

## HOSE 21/05/2014

VNINDEX 543.88 6.36 1.18%

KLGD 102,987,620 CP  
GTGD 1,481.07 Tỷ  
GTR NDTNN - 27.39 Tỷ

CP Tăng giá 215 CP  
CP Giảm giá 38 CP  
CP Đứng giá 51 CP



## HNX 21/5/2014

HNXINDEX 75.57 1.84 2.49%

KLGD 79,519,095 CP  
GTGD 679.26 Tỷ  
GTR NDTNN 22.09 Tỷ

CP Tăng giá 191 CP  
CP Giảm giá 50 CP  
CP Đứng giá 138 CP



## VN30 & HNX30 INDEX

VN30 596.82 6.55 1.11%  
HNX30 151.27 5.65 3.88%

## Tâm điểm

- ▶ **VN-Index tăng lên gần MA20 với thanh khoản ở mức trung bình.**
- ▶ **Thanh khoản tiếp tục ở mức trung bình.**  
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 2,160 tỷ đồng.
- ▶ **CPI Hà Nội tháng 5 giảm 0.07% so tháng trước**  
Theo báo cáo của Cục Thống kê Thành phố Hà Nội  
Trí Thức Trẻ
- ▶ **4 tháng đầu năm 2014, kim ngạch xuất khẩu da giày đạt gần 3 tỉ USD**  
Tăng trên 26% so với cùng kỳ năm 2013  
Hải quan
- ▶ **Thu nhập của khối ngân hàng đầu tư lớn giảm 9% trong quý 1/2014**  
Nguyên nhân là do yêu cầu dự trữ vốn trở lên khắt khe hơn  
Gafin
- ▶ **HSG: Lãi ròng lũy kế 6 tháng đạt 170 tỷ đồng, giảm 52% so với cùng kỳ**  
Với kết quả này, HSG mới chỉ đạt 28% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2014  
Công Lý
- ▶ **TIE: Lợi nhuận khác tăng mạnh, lãi ròng đạt 20% kế hoạch**  
Được biết, năm 2014, TIE đạt kế hoạch lợi nhuận sau thuế đạt 25 tỷ đồng  
Công Lý

## Thị trường / Ngành

### Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	947,631	13.0	2.8	20.7%	10.8%
HNX	119,208	18.0	1.5	6.9%	3.9%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,066,839</b>	<b>14.9</b>	<b>2.7</b>	<b>19.6%</b>	<b>10.2%</b>

### Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,223	6.2	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	17,987	6.8	1.4	21.1%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	34,740	20.3	1.9	18.0%	7.7%
Khai khoáng	11,872	54.1	5.1	1.9%	1.4%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	18,519	17.1	1.3	12.3%	8.8%
Xây dựng	26,587	- 27.0	1.0	-6.0%	1.3%
Máy công nghiệp	7,374	5.7	1.2	21.1%	14.5%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,404	12.9	1.3	15.0%	11.4%
Lốp xe	6,610	8.0	2.2	29.0%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	13,839	11.0	1.2	14.0%	6.3%
Thực phẩm	192,275	22.3	4.7	21.8%	16.9%
Dược phẩm	14,634	11.6	3.0	25.4%	16.8%
Phần mềm	15,565	9.6	2.0	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	21,080	- 5.3	1.1	-5.3%	3.4%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	176,053	14.8	4.7	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	25,654	20.8	2.1	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	21,573	12.0	1.2	8.1%	6.0%
Ngân hàng	236,996	10.7	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	134,313	11.0	2.5	28.7%	7.3%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,044	9.2	1.8	20.5%	8.5%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

## ► Tin kinh tế

**CPI Hà Nội tháng 5 giảm 0.07% so tháng trước**

Cục thống kê Thành phố Hà Nội vừa công bố tình hình kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh tháng 5. Theo đó, tháng 5 là tháng nắng nóng, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5 giảm 0.07% so tháng trước. Nguyên nhân giảm là do nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0.57% (trong đó: nhóm lương thực giảm 0.93%, nhóm thực phẩm giảm 0.73%). Nhóm này có quyền số lớn trong rổ hàng hóa và cũng là nhóm duy nhất có chỉ số giá tháng 5 giảm so cùng kỳ. Bên cạnh đó, hông nằm trong rổ các mặt hàng tính chỉ số giá, Chỉ số giá vàng giảm 1.4% so tháng trước và giảm 13.44% so cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá Đô la Mỹ bằng so tháng trước và tăng 0.81% so cùng kỳ.

**4 tháng đầu năm 2014, kim ngạch xuất khẩu da giày đạt gần 3 tỉ USD**

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, 4 tháng đầu năm 2014, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng da giày đạt gần 3 tỉ USD, tăng trên 26% so với cùng kỳ năm 2013. Trong 4 tháng qua, trị giá xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang các thị trường chính đều đạt mức tăng trưởng cao. Trong đó kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU đạt 984 triệu USD, tăng 26.7%, thị trường Mỹ đạt 947 triệu USD, tăng 26.5%, thị trường Nhật Bản đạt 171 triệu USD, tăng 43.2% và thị trường Trung Quốc đạt 150 triệu USD, tăng 31.4%...so với cùng kỳ năm trước. Được biết, đến thời điểm hiện tại đã có doanh nghiệp da dày đã có đơn hàng đến hết tháng tháng 6, tháng 7, trong đó có nhiều DN đã có đơn hàng đến tháng 8, tháng 9 -2014.

**Thu nhập của khối ngân hàng đầu tư lớn giảm 9% trong quý 1/2014**

Ngày 19/5, số liệu cho biết, tổng thu nhập của 10 ngân hàng đầu tư lớn nhất thế giới đã giảm 9% xuống 42.8 tỷ USD trong quý I. Trong đó, hoạt động đầu tư vào tài sản cố định, tiền tệ và hàng hóa (FICC) giảm mạnh nhất với 16% xuống còn 22 tỷ USD. Nguyên nhân là do yêu cầu dự trữ vốn khắt khe hơn khiến các ngân hàng cắt giảm hoạt động kinh doanh rủi ro cao. Một số ngân hàng như Deutsche Bank và Barclays đang thực hiện tái cấu trúc để tăng lợi nhuận.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

## ► Tin doanh nghiệp

**HSG: Lãi ròng lũy kế 6 tháng đạt 170 tỷ đồng, giảm 52% so với cùng kỳ**

CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HOSE: HSG) vừa công bố báo cáo tài chính quý 2 (NĐTC 2013 - 2014). Theo đó, doanh thu thuần lũy kế 6 tháng đạt 6,640 tỷ đồng, tăng hơn 25% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, giá vốn trong 6 tháng đầu niên độ là 5,849 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận gộp của HSG cũng có sự sụt giảm tương ứng, chỉ đạt 12%. Lợi nhuận gộp trong 6 tháng đạt 791 tỷ đồng, giảm 72%. Trong nửa đầu niên độ 2013-2014, chi phí bán hàng gần 300 tỷ đồng, chi phí quản lý hơn 190 tỷ đồng, mức tăng tương ứng 43% và 32% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận khác hơn 27 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước chỉ đạt 11 tỷ đồng. Sau khi trừ các chi phí liên quan, HSG ghi nhận lãi ròng hơn 170 tỷ đồng.

**TIE: Lợi nhuận khác tăng mạnh, lãi ròng đạt 20% kế hoạch**

CTCP TIE (HOSE: TIE) vừa công bố báo cáo tài chính hợp quý 1/2014, chi phí lãi vay cao gấp 2.3 lần so với cùng kỳ. Trong khi đó, lợi nhuận khác thu về hơn 2 tỷ đồng, cao gấp 5.7 lần so với quý 1/2013. Trong kỳ, doanh thu thuần của TIE đạt hơn 52 tỷ đồng, giảm nhẹ 3%. Giá vốn hàng cũng có mức giảm nhẹ, xuống còn 49.6 tỷ đồng. Theo đó, lợi nhuận gộp trong kỳ đạt gần 2.5 tỷ đồng. 3 tháng đầu năm, TIE nhận được gần 1.6 tỷ đồng lãi tiền gửi, trong khi cùng kỳ lãi nhận được chỉ có 78 triệu đồng. Tuy nhiên, cổ tức lợi nhuận trong kỳ chỉ thu về 8.4 tỷ đồng, giảm hơn 3 tỷ đồng so với quý 1/2013. Kết quả làm doanh thu tài chính giảm hơn 16%. Sau khi trừ các chi phí liên quan, TIE ghi nhận lãi ròng hợp nhất hơn 5 tỷ đồng, giảm 32% so với cùng kỳ năm ngoái và đạt 20% kế hoạch 2014

**HHC: Dự kiến đạt 10 tỷ đồng lợi nhuận trong 5 tháng**

Ông Trần Hồng Thanh, TGD CTCP Bánh kẹo Hải Hà (HNX: HHC) cho biết, dự kiến 5 tháng đầu năm, Công ty đạt doanh số 305 tỷ đồng, lợi nhuận 10 tỷ đồng. Theo ông Thanh, 2 quý đầu năm là mùa "thấp điểm" đối với Công ty, lợi nhuận chủ yếu dồn về những tháng cuối năm. Năm 2014, HHC đặt mục tiêu doanh thu đạt 800 tỷ đồng, lợi nhuận 32 tỷ đồng. Liên quan đến việc xây dựng dự án bất động sản tại trụ sở Công ty (25 Trương Định, Hà Nội), ông Thanh cho hay, Công ty vẫn đang tạm thời giãn tiến độ dự án này do chủ trương của Thành phố là tạm dừng thi công các dự án trong phạm vi nội thành đến hết năm 2014.

**HOSE** 21/05/2014 VNINDEX 543.88 6.36 1.18% 102,987,620 CP 1,481.07 bil VND

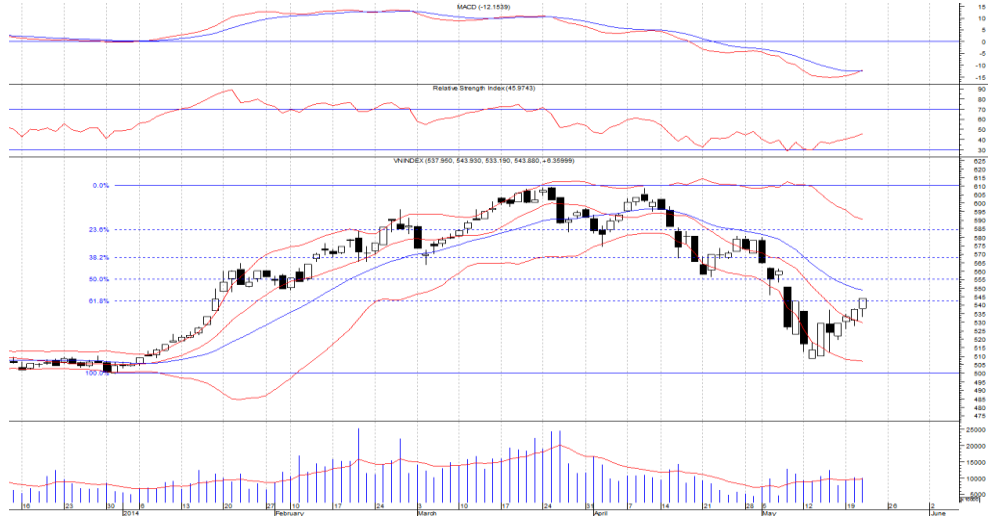
**VN-Index tăng lên gần MA20 với thanh khoản ở mức trung bình.**

VN-Index tăng 6.36 điểm lên 543.88 điểm. Một cây nến trắng tiếp tục tăng hướng lên MA20, dòng tiền tiếp tục tập trung vào nhóm CP giảm sâu trước đó. Nhóm cổ phiếu Bluechip phân hóa mạnh.

- Nhịp hồi phục của VN-Index sẽ gặp kháng cự tại MA20 ở vùng 550 điểm, tại vùng này cung chốt lời sẽ gia tăng. Nếu cầu hấp thụ được cung chốt lời thị trường mới có thể đi lên tiếp.

- Tín hiệu MACD đã cho tín hiệu mua vào, góc cắt khá lớn và ở xa đường Zero line.

- RSI (14) tăng lên gần 46 điểm cho thấy tâm lý nhà đầu tư đã tốt hơn trước nhiều.



**HOSE Top 5** theo KLGD

FLC	0.6 (6.3%)	8,099,720
ITA	0.2 (2.5%)	6,026,780
HQC	0.4 (6.0%)	5,112,500
IJC	0.8 (6.8%)	3,816,780
SSI	0.7 (3.1%)	3,669,240

**HOSE Top 5** theo % tăng

BGM	0.3 (7.0%)	603,860
EMC	0.3 (7.0%)	980
JVC	0.9 (7.0%)	593,510
CLG	0.5 (6.9%)	95,240
CII	1.2 (6.9%)	3,022,430

**HOSE Top 5** theo % giảm

CCI	-0.7 (-6.7%)	500
VSI	-0.4 (-6.5%)	120
SVI	-2.3 (-6.3%)	10
LGC	-1 (-6.2%)	1,510
ABT	-2.5 (-5.1%)	20

**HOSE Top 5** Mua ròng NDTNN

TRC	7,9 tỷ	211,670
GAS	6,8 tỷ	75,580
IJC	6,2 tỷ	505,210
BID	4,9 tỷ	330,000
VIC	4,4 tỷ	65,520

**HOSE Top 5** Bán ròng NDTNN

CNG	-41,8 tỷ	1,099,400
DPM	-18,5 tỷ	593,970
HAG	-7,9 tỷ	315,490
MSN	-4,3 tỷ	47,180
QCG	-2,9 tỷ	288,120

<b>GD NDTNN</b>	<b>KL Ròng</b>	<b>GT Ròng (tỷ)</b>
HOSE	63,790	- 27.39

**Nhận định / Bình luận thị trường**

- ▶ Giống phiên hôm trước, VN-Index linh xình giảm đầu phiên và tăng về cuối phiên, dòng tiền tiếp tục tập trung nhóm CP đã giảm mạnh trước đây.
- ▶ Thanh khoản ở mức trung bình, đạt 99,8 triệu cổ phiếu bằng với KLGD bình quân 10 phiên gần đây.
- ▶ NĐTNN bán ròng 27 tỷ đồng khi mua vào 148 tỷ đồng và bán ra 175 tỷ đồng. Đây là phiên bán ròng đầu tiên sau chuỗi mua ròng hơn 1 tháng qua.
- ▶ Các chỉ báo kỹ thuật vẫn đang tích cực hơn, nhưng vẫn còn đó những bất ổn từ tình hình Biển Đông, tâm lý nhà đầu tư vẫn thận trọng.
- ▶ NĐT ngắn hạn có thể xem xét bán chốt lời ở vùng giá cao đối với cổ phiếu đã về tài khoản và có lời, hạn chế mở vị thế mua mới.

**HOSE - Top 10 theo vốn hóa**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	91.5	173,392.50	15.2	4.8	33.4%	22.6%
VNM	833.4	125.0	104,179.67	16.0	5.5	36.4%	29.1%
MSN	734.9	90.5	66,509.48	203.9	4.6	2.2%	0.7%
VCB	2,317.4	27.2	63,033.74	14.4	1.4	10.4%	1.0%
VIC	894.2	67.0	59,914.11	8.0	3.8	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	15.0	55,851.07	9.0	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.9	41,886.92	9.0	1.2	14.2%	0.8%
BVH	680.5	37.7	25,653.77	20.8	2.1	10.0%	2.3%
HPG	481.9	48.5	23,372.55	9.9	2.3	25.0%	10.7%
PVD	275.3	81.0	22,295.91	10.3	2.1	21.7%	9.8%

**HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	13.1	3,047.06	12.5	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	46.2	15,888.14	9.5	2.0	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.5	2,087.94	13.6	1.2	NA	TH.DOI
BMP	45.5	66.5	3,024.32	8.0	1.9	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.7	650.03	4.8	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.7	543.92	1.8	0.8	NA	TH.DOI

**HNX**      21/05/2014      HNX-Index      75.57      1.84      2.49%      79,519,095 CP      679.26 bil. VND

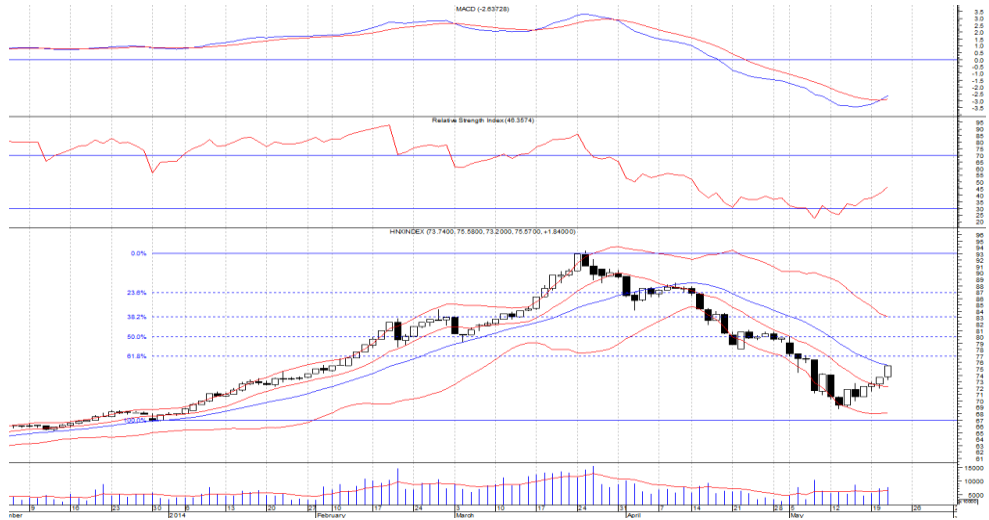
### HNX-Index tăng lên chạm MA20 kèm thanh khoản tăng

Chỉ số HNX-Index tăng 1.84 điểm lên 75.57 điểm, một cây nến trắng tăng và chạm đường MA20. Nhóm CP đã giảm sâu trước đây vẫn tiếp tục thu hút dòng tiền mạnh.

- HNX-Index đang ở vùng MA20, tại vùng này cung chốt lời sẽ gia tăng. Nếu cầu hấp thụ được cung chốt lời thì thị trường mới có thể đi lên tiếp.

- Tín hiệu MACD đã cho tín hiệu mua vào, góc cắt khá lớn và ở xa đường Zero line.

- RSI (14) tiếp tục tăng lên mức 46, cho thấy tâm lý nhà đầu tư tốt hơn.



### HNX Top 5 theo KLGD

SHB	0.4 (4.5%)	12,006,290
PVX	0.4 (8.7%)	11,755,880
SCR	0.5 (6.2%)	10,312,680
KLS	0.5 (4.9%)	5,859,940
SHS	0.3 (3.8%)	3,297,700

### HNX Top 5 theo % tăng

SGH	48.5 (100.0%)	-
NVC	0.1 (14.3%)	67,000
GGG	0.1 (12.5%)	471,850
BED	1.2 (10.0%)	-
HST	0.9 (10.0%)	800

### HNX Top 5 theo % giảm

DNM	-3.6 (-10.0%)	200
NGC	-1.7 (-10.0%)	1,000
SJC	-1.2 (-10.0%)	400
TSM	-0.4 (-10.0%)	1,000
VXB	-1.2 (-10.0%)	100

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	11,8 tỷ	449,900
VND	5,5 tỷ	361,900
SHB	1,4 tỷ	152,800
VCG	1,2 tỷ	103,000
PGS	0,8 tỷ	30,000

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

KLS	-0,4 tỷ	33,000
CTS	-0,3 tỷ	42,000
PVG	-0,3 tỷ	28,500
EBS	-0,3 tỷ	35,500
SDT	-0,1 tỷ	10,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,292,617	22.09

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Giống phiên trước, HNX-Index linh xing giảm đầu phiên và tăng về cuối phiên, dòng tiền tiếp tục tập trung nhóm CP đã giảm mạnh trước đây.
- ▶ Thanh khoản của thị trường tăng nhẹ lên 79 triệu cổ phiếu, tăng 7% so với phiên trước. Dòng tiền đang tích cực hơn.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 33 tỷ đồng tập trung ở PVS, VND và KLS. Việc duy trì mua ròng của khối ngoại tạo tâm lý tích cực cho NĐT trong nước.
- ▶ Các chỉ báo kỹ thuật vẫn đang tích cực hơn, nhưng vẫn còn đó những bất ổn từ tình hình Biển Đông, tâm lý nhà đầu tư vẫn thận trọng.
- ▶ NĐT ngắn hạn có thể xem xét bán chốt lời ở vùng giá cao đối với cổ phiếu đã về tài khoản và có lời, hạn chế mở vị thế mua mới.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.7	14,283.55	18.4	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	26.6	11,882.23	7.5	1.3	19.3%	6.2%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.2	8,151.97	9.7	0.7	7.9%	0.7%
VCG	441.7	11.9	5,256.36	11.1	0.9	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.3	5,060.00	35.7	2.3	6.3%	3.1%
PVI	225.4	18.0	4,057.46	14.5	0.7	4.6%	2.1%
NTP	43.3	72.0	3,120.34	10.8	2.4	23.8%	16.0%
LAS	77.8	38.5	2,996.53	6.6	2.0	33.5%	17.5%
VNR	100.8	27.6	2,782.84	7.4	1.1	14.5%	7.0%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.4	1,041.20	6.4	1.1	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.5	366.30	6.8	0.6	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.3	1,483.13	10.1	1.1	NA	TH.DOI
NTP	43.3	72.0	3,120.34	10.8	2.4	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.9	795.00	9.2	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.0	299.25	6.1	1.5	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	66,509.48	15.35%	90.5	203.91	4.57	178,977	147,666	370,577
VIC	HOSE	894.2	59,914.11	14.46%	67.0	8.00	3.82	462,467	549,611	518,458
HPG	HOSE	481.9	23,372.55	11.74%	48.5	9.91	2.28	831,595	669,797	832,165
PVD	HOSE	275.3	22,295.91	8.68%	81.0	10.34	2.14	462,493	406,641	506,674
DPM	HOSE	379.9	12,119.90	8.01%	31.9	6.22	1.35	1,522,332	1,258,814	1,376,137
HAG	HOSE	718.2	17,953.87	7.98%	25.0	14.61	1.34	4,588,450	3,492,514	4,516,845
VCB	HOSE	2,317.4	63,033.74	6.11%	27.2	14.36	1.44	904,976	763,374	928,606
STB	HOSE	1,142.5	21,022.21	4.13%	18.4	9.50	1.26	966,512	714,462	1,044,386
BVH	HOSE	680.5	25,653.77	3.08%	37.7	20.82	2.05	671,846	536,416	526,671
ITA	HOSE	718.1	5,960.02	2.71%	8.3	102.46	0.74	6,851,487	6,078,521	9,935,841
HSG	HOSE	96.3	4,459.30	2.68%	46.3	11.41	2.02	262,313	213,131	275,786
GMD	HOSE	114.4	3,272.46	2.26%	28.6	104.94	0.71	425,486	361,685	404,510
PPC	HOSE	318.2	6,681.25	2.03%	21.0	7.18	1.16	740,984	613,999	944,748
VSH	HOSE	206.2	3,176.12	1.74%	15.4	14.49	1.16	728,687	483,597	845,962
CSM	HOSE	67.3	2,584.01	1.64%	38.4	6.90	1.97	478,147	401,356	646,342
KBC	HOSE	289.8	2,984.53	1.48%	10.3	21.61	0.72	966,382	766,868	1,366,277
DRC	HOSE	83.1	3,597.10	1.33%	43.3	9.33	2.44	267,880	247,846	372,800
PVT	HOSE	232.6	3,047.06	1.18%	13.1	12.52	1.05	765,611	681,849	1,858,563
DIG	HOSE	143.0	2,144.93	1.01%	15.0	38.35	0.88	469,672	330,488	731,577
OGC	HOSE	300.0	3,300.00	0.91%	11.0	57.96	1.00	2,698,933	2,451,301	3,471,693
PET	HOSE	69.8	1,145.41	0.87%	16.4	7.32	0.87	498,465	484,424	773,418

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,882.23	5.37%	26.6	7.52	1.34	2,281,020	2,262,694	2,885,602
VIC	HOSE	894.2	59,914.11	8.00%	67.0	8.00	3.82	462,467	549,611	518,458
VCB	HOSE	2,317.4	63,033.74	7.00%	27.2	14.36	1.44	904,976	763,374	928,606
BVH	HOSE	680.5	25,653.77	6.50%	37.7	20.82	2.05	671,846	536,416	526,671
DPM	HOSE	379.9	12,119.90	5.79%	31.9	6.22	1.35	1,522,332	1,258,814	1,376,137
STB	HOSE	1,142.5	21,022.21	4.26%	18.4	9.50	1.26	966,512	714,462	1,044,386
PVD	HOSE	275.3	22,295.91	3.22%	81.0	10.34	2.14	462,493	406,641	506,674
ITA	HOSE	718.1	5,960.02	3.73%	8.3	102.46	0.74	6,851,487	6,078,521	9,935,841
SHB	HNX	886.1	8,151.97	2.86%	9.2	9.65	0.74	7,886,863	7,354,421	10,061,996
PPC	HOSE	318.2	6,681.25	1.58%	21.0	7.18	1.16	740,984	613,999	944,748
OGC	HOSE	300.0	3,300.00	2.33%	11.0	57.96	1.00	2,698,933	2,451,301	3,471,693
GMD	HOSE	114.4	3,272.46	1.62%	28.6	104.94	0.71	425,486	361,685	404,510
MSN	HOSE	734.9	66,509.48	8.00%	90.5	203.91	4.57	178,977	147,666	370,577
HAG	HOSE	718.2	17,953.87	2.83%	25.0	14.61	1.34	4,588,450	3,492,514	4,516,845
DRC	HOSE	83.1	3,597.10	1.28%	43.3	9.33	2.44	267,880	247,846	372,800
VCG	HNX	441.7	5,256.36	3.58%	11.9	11.10	0.89	2,361,298	1,920,753	3,409,907
PVT	HOSE	232.6	3,047.06	2.05%	13.1	12.52	1.05	765,611	681,849	1,858,563

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	59,914.11	0.00%	67.0	8.00	3.82	462,467	549,611	518,458
MSN	HOSE	734.9	66,509.48	0.00%	90.5	203.91	4.57	178,977	147,666	370,577
DPM	HOSE	379.9	12,119.90	0.00%	31.9	6.22	1.35	1,522,332	1,258,814	1,376,137
HAG	HOSE	718.2	17,953.87	0.00%	25.0	14.61	1.34	4,588,450	3,492,514	4,516,845
VCB	HOSE	2,317.4	63,033.74	0.00%	27.2	14.36	1.44	904,976	763,374	928,606
STB	HOSE	1,142.5	21,022.21	0.00%	18.4	9.50	1.26	966,512	714,462	1,044,386
BVH	HOSE	680.5	25,653.77	0.00%	37.7	20.82	2.05	671,846	536,416	526,671
CTG	HOSE	3,723.4	55,851.07	0.00%	15.0	8.99	1.03	633,584	546,206	1,052,944
GAS	HOSE	1,895.0	173,392.50	0.00%	91.5	15.16	4.81	637,907	532,987	431,793

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Royal Bank of Scotland**  
**MSCI Frontier Markets Index**

Ngày lập quỹ  
Ngày lập chỉ số

**19/09/2011**  
**30/11/2007**

SLCKVN  
TGTTSQL

**9/142**  
**22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	66,509.48	0.81%	90.5	203.91	4.57	178,977	147,666	370,577
VIC	HOSE	894.2	59,914.11	0.55%	67.0	8.00	3.82	462,467	549,611	518,458
DPM	HOSE	379.9	12,119.90	0.26%	31.9	6.22	1.35	1,522,332	1,258,814	1,376,137
VCB	HOSE	2,317.4	63,033.74	0.20%	27.2	14.36	1.44	904,976	763,374	928,606
STB	HOSE	1,142.5	21,022.21	0.14%	18.4	9.50	1.26	966,512	714,462	1,044,386
BVH	HOSE	680.5	25,653.77	0.10%	37.7	20.82	2.05	671,846	536,416	526,671

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**iShares**  
**MSCI Frontier 100 Index**

Ngày lập quỹ  
Ngày lập chỉ số

**12/09/2012**  
**30/11/2007**

SLCKVN  
TGTTSQL

**6/102**  
**519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**iShares**  
**MSCI VN Investable Market Indx**

Ngày lập quỹ  
Ngày lập chỉ số

**01/12/2010**

SLCKVN  
TGTTSQL

**4,752.96 mil.**

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,223	6.2	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	17,987	6.8	1.4	21.1%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,600	21.3	0.7	2.9%	1.9%
Sản xuất giấy	713	7.3	0.7	11.3%	5.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	34,740	20.3	1.9	18.0%	7.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,596	4.0	0.7	18.1%	3.8%
Khai khoáng	11,872	54.1	5.1	1.9%	1.4%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	18,519	17.1	1.3	12.3%	8.8%
Xây dựng	26,587	- 27.0	1.0	-6.0%	1.3%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,053	7.0	1.1	16.9%	8.8%
Công nghiệp phức hợp	316	3.0	0.7	21.7%	15.5%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,596	9.7	1.0	7.6%	3.7%
Thiết bị điện	1,587	- 15.3	0.6	-0.9%	-1.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	44	27.5	0.6	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,374	5.7	1.2	21.1%	14.5%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,151	- 2.4	0.8	3.4%	0.9%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,404	12.9	1.3	15.0%	11.4%
Dịch vụ vận tải	5,122	7.6	1.3	18.2%	11.0%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,847	10.3	1.3	12.3%	4.4%
Đào tạo & Việc làm	187	18.8	0.5	4.3%	1.6%
Nhà cung cấp thiết bị	173	8.0	0.8	10.1%	4.3%
Chất thải & Môi trường	167	2.5	0.8	34.9%	16.7%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,022	19.8	1.7	13.6%	7.9%
Lốp xe	6,610	8.0	2.2	29.0%	12.8%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,398	7.0	1.1	15.7%	8.9%
Vang & Rượu mạnh	251	10.0	1.8	20.3%	12.7%
Đồ uống & giải khát	253	7.2	1.3	14.3%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,839	11.0	1.2	14.0%	6.3%
Thực phẩm	192,275	22.3	4.7	21.8%	16.9%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	48	38.2	0.6	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,017	7.8	0.9	12.7%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	133	8.0	1.2	13.5%	9.4%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,813	7.8	1.4	18.0%	7.1%
Giày dép	9	- 1.3	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,963	9.1	1.8	16.8%	9.1%
Thuốc lá					
Thuốc lá	710	- 8.5	1.1	-0.8%	4.0%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	733	13.2	0.8	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế	159	3.8	2.1	31.8%	13.1%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	166	7.9	1.0	13.2%	9.3%
Dược phẩm	14,634	11.6	3.0	25.4%	16.8%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	701	13.7	1.1	12.9%	8.5%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,105	8.5	1.3	14.9%	3.2%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,006	8.0	0.9	12.1%	8.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	165	7.2	3.1	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,776	36.2	2.6	6.1%	3.2%
Dịch vụ giải trí	2,056	25.8	1.3	15.2%	12.9%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,075	20.0	1.7	14.7%	12.9%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	490	19.4	0.6	3.1%	1.2%
Internet	296	62.4	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	15,565	9.6	2.0	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	381	13.7	0.6	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng	259	5.0	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông	1,963	13.3	0.7	5.2%	3.7%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	21,080	-	5.3	1.1	-5.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	176,053	14.8	4.7	32.9%	22.1%
Nước	1,196	6.5	1.0	16.7%	11.1%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,147	5.1	0.8	15.1%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,169	11.8	0.6	5.8%	2.7%
Tái bảo hiểm	2,611	7.4	1.1	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,654	20.8	2.1	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,210	58.0	1.0	1.7%	0.5%
Môi giới chứng khoán	21,573	12.0	1.2	8.1%	6.0%
Ngân hàng					
Ngân hàng	236,996	10.7	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	134,313	11.0	2.5	28.7%	7.3%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	7.1	0.4	5.5%	2.5%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,044	9.2	1.8	20.5%	8.5%



- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.